

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2022

“V/v Tranh chấp Ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông LPH;

Ông SM.

- Thư ký phiên tòa: Bà BTHT – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị B T T H, sinh năm 1998 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 13, Khóm ĐA, phường ĐT, thị xã BM, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh B H L, sinh năm 1992 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 7, khóm 4, phường TP, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2022 và đơn xin vắng mặt đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 của nguyên đơn chị B T T H trình bày:* Chị B T T H và anh B H L quen biết sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn số: 86 ngày 31 tháng 10 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường TP, thị xã BM, tỉnh VL. Trong quá trình chung sống giữa chị

B T T H và anh B H L có 01 người con chung tên B H A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016, không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung.

Chị B T T H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đồng thời vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Nay chị B T T H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh L không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn anh B H L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 7, khóm 4, phường TP, thị xã BM, tỉnh VL.

+ Về con chung: Chị H giao con chung tên B H A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016 cho anh B H L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nên không đến theo giấy triệu tập của Tòa án được nên chị H xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm, đồng thời chị H cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

** Tại bản tự khai đề ngày 13 tháng 6 năm 2022 của bị đơn anh B H L trình bày:* Anh L và chị B T T H quen biết sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn số: 86 ngày 31 tháng 10 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường TP, thị xã BM, tỉnh VL. Trong quá trình chung sống giữa anh L và chị B T T H có 01 người con chung tên B H A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016, hiện con đang sống chung với anh L. Vợ chồng không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung.

Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân vào cuối năm 2021 đến nay. Nay chị B T T H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh L có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Anh L đồng ý yêu cầu ly hôn của chị H;

+ Về con chung: Anh L đồng ý nuôi dưỡng con chung tên B H A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên không đến theo giấy triệu tập của Tòa án được nên anh L xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm. Đồng thời anh L cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn: Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 28/02/2022 của Công an phường TP), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị B T T H và anh B H L có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 15/6/2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị B T T H và anh B H L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị B T T H và anh B H L đã xảy ra sự việc vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Đồng thời tại bản tự khai đề ngày 13 tháng 6 năm 2022, anh B H L đồng ý yêu cầu ly hôn của chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B T T H và anh B H L có 01 người con chung tên B H A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016, hiện bé đang sống chung với anh L.

Xét yêu cầu của chị H: Giao con chung tên B H A cho anh B H L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của anh B H L đồng ý nuôi dưỡng con chung tên B H A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của bé B H A, , Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên B H A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016 cho anh B H L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Chị B T T H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B T T H và anh B H L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị B T T H là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39, khoản 4, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 55 và Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B T T H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị B T T H thuận tình ly hôn với anh B H L.

2. Về con chung: Giao con chung tên B H A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2016 cho anh B H L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Chị B T T H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị B T T H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị B T T H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012531, ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị B T T H đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI H XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- UBND phường TP: 01
- Đường sự: 02
- Lưu: 04

N T L T